TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2018/DSST.
Ngày 15/03/2018.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐĂK LĂK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Vinh và bà Nông Thị Lan.

Thư ký phiên tòa : Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê KĐăm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 64/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST- DS ngày 28/02/2018 Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Vũ Đình H – Sinh năm 1960.

Và bà Trịnh Thị L - Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk- đều có mặt.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị M – Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2017 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Đình H và bà Trịnh Thị L trình bày thống nhất như sau:

Bà Trịnh Thị M và bà Trịnh Thị L là hai chị em ruột nên vợ chồng bà L cho bà M vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 11/7/2014 (âm lịch) vay 45.000.000 đồng, hạn trả ngày 10/11/2014.

Ngày 22/7/2014 (âm lịch) vay 45.000.000 đồng, hạn trả ngày 10/12/2014.

Ngày 07/7/2014 (âm lịch) vay 100.000.000 đồng, hạn trả ngày 10/12/2014.

Khoản vay không nhớ ngày: vay 40.000.000 đồng, hạn trả ngày 10/12/2014.

+ Tổng cộng 230.000.000 đồng.

Quá trình hòa giải hai bên đã khấu trừ số tiền bà M đã trả cho bà L là 66.000.000 đồng, các khoản tiền còn lại các bên đối chiếu và chấp nhận thỏa thuận thì hiện bà M còn nợ bà L số tiền 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) bà L, ông H có ý kiến như sau: Ông, bà chấp nhận bà M hiện còn nợ ông bà số tiền 89.000.000 đồng (tám mươi

chín triệu đồng) và đề nghị bà M thanh toán số tiền gốc này và lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn tính cụ thể như sau:

Thời điểm tính lãi suất trong hạn từ ngày 01/8/2014 (dương lịch) đến ngày 30/01/2015 (dương lịch) = 16 tháng, lãi 0,75%/tháng

Thời điểm tính lãi suất quá hạn từ ngày 01/02/2015 (dương lịch) đến ngày 30/11/2017 (dương lịch) = 33 tháng, lãi 1,125%/tháng.

Cụ thể:

- Lãi trong hạn:

89.000.000đ x 0,75%/tháng x 16 tháng = 10.680.000 đồng.

- Lãi quá hạn:

89.000.000đ x 1,125%/tháng x 33 tháng = 33.041.250 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi suất: 89.000.000đồng + 10.680.000đồng + 33.041.250 đồng = 132.721.250 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- *Bà Trịnh Thị M trình bày*: Bà đồng ý và thừa nhận hiện còn nợ vợ chồng ông Vũ Đình H bà Trịnh Thị L số tiền 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) và đồng ý trả tiền lãi suất theo các thời điểm theo như trình bày của bà L, ông H, tổng tiền gốc và tiền lãi suất là 132.721.250 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng) thời hạn trả nợ thành 3 đợt, cụ thể như sau:

Đợt 1: Vào ngày 30/3/2018 trả số tiền là 20.721.250 đồng.

Đợt 2: Vào ngày 30/3/2019 trả số tiền là 50.000.000 đồng.

Đợt 3: Vào ngày 30/3/2020 trả số tiền là 62.000.000 đồng.

Tuy nhiên, vợ chồng bà Trịnh Thị L và ông Vũ Đình H không đồng ý với ý kiến của bà M về thời hạn trả nợ nêu trên, bà L, ông H yêu cầu bà M chậm nhất trong thời hạn 06 tháng phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên. Bà M cho rằng yêu cầu của bà L ông H về thời hạn trả nợ như vậy thì bà không chuẩn bị kịp, không có khả năng trả một lần và đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Vũ Đình H và bà Trịnh Thị L.

Buộc bà Trịnh Thị M trả cho vợ chồng ông Vũ Đình H và bà Trịnh Thị L số tiền gốc và lãi suất là: 132.721.250 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

-Về tiền án phí dân sự: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về nội dung khởi kiện: Khoản tiền bà Trịnh Thị M còn nợ của vợ chồng ông Vũ Đình H và bà Trịnh Thị L 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) là đúng hai bên đều thừa nhận. Tại buổi hòa giải ngày 16/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà M có đưa ra ý kiến về thời hạn trả nợ gốc và lãi suất như sau:

Bà đồng ý và thừa nhận hiện còn nợ vợ chồng ông Vũ Đình H bà Trịnh Thị L số tiền 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) và đồng ý trả tiền lãi suất là 43.721.250 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng cộng gốc và lãi suất là 132.721.250 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng), thời hạn trả nợ thành 3 đợt, cụ thể như sau:

Đợt 1: Vào ngày 30/3/2018 trả số tiền là 20.721.250 đồng.

Đợt 2: Vào ngày 30/3/2019 trả số tiền là 50.000.000 đồng.

Đợt 3: Vào ngày 30/3/2020 trả số tiền là 62.000.000 đồng.

Do bà Trịnh Thị L và ông Vũ Đình H không chấp nhận về thời hạn trả nêu trên của bà Trịnh Thị M nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng bà Trịnh Thị L, ông Vũ Đình H và bà Trịnh Thị M xác lập hợp đồng vay tiền theo các đợt vay nêu trên và hai bên đã thỏa thuận số tiền nợ còn lại là 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) là tự nguyện, đây là giao dịch dân sự tự nguyện và các bên thỏa thuận khoản nợ gốc và thời hạn tính lãi suất là phù hợp quy định tại các Điều 122, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà Trịnh Thị L, ông Vũ Đình H cũng như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bà Trịnh Thị M phải trả cho vợ chồng bà Trịnh Thị L, ông Vũ Đình H số tiền gốc là 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng).

[2] Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi suất của các đương sự là tự nguyện thỏa thuận phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận, cụ thể lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn như sau:

Thời điểm tính lãi suất trong hạn từ ngày 01/8/2014 (dương lịch) đến ngày 30/01/2015 (dương lịch) = 16 tháng, lãi 0,75%/tháng

Thời điểm tính lãi suất quá hạn từ ngày 01/02/2015 (dương lịch) đến ngày 30/11/2017 (dương lịch) = 33 tháng, lãi 1,125%/tháng.

Cụ thể:

- Lãi trong hạn:

89.000.000đ x 0,75%/tháng x 16 tháng = 10.680.000 đồng.

- Lãi quá hạn:

89.000.000đ x 1,125%/tháng x 33 tháng = 33.041.250 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi suất: 89.000.000đồng + 10.680.000đồng + 33.041.250đồng = 132.721.250 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Hội đồng xét xử cần buộc bà Trịnh Thị M phải trả cho vợ chồng bà Trịnh Thị L và ông Vũ Đình H tổng số tiền gốc và lãi suất là 132.721.250 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

[3] Về án phí: Bà Trịnh Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: 132.721.250 đồng x 5% = 6.636.062 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà Trịnh Thị L và ông Vũ Đình H.

1/ Buộc bà Trịnh Thị M phải trả cho vợ chồng bà Trịnh Thị L, ông Vũ Đình H số tiền gốc là 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng) và tiền lãi suất là 43.721.250 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi suất là: 132.721.250 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trịnh Thị M phải chịu 6.636.062 đồng (sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn không trăm sáu hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng bà Trịnh Thị L, ông Vũ Đình H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho vợ chồng bà Trịnh Thị L, ông Vũ Đình H số tiền 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do bà Trịnh Thị L nộp) theo biên lai số 0003584 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(đã ký)

Bùi Xuân Sơn